

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Phạm vi công việc của gói thầu.

Phạm vi công việc của gói thầu số 06: Thi công xây dựng công trình thuộc dự án: Xây dựng dãy nhà làm việc 4 phòng và cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc, hội trường nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ UBND xã Nam Lý theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt (Nội dung chi tiết theo bản vẽ thi công được đăng tải cùng E-HSMT).

1.2. Quy mô công trình:

1.2.1 Nhà làm việc 4 phòng 1 tầng

- Nhà làm việc 4 phòng xây mới hình chữ nhật có kích thước 6,3x20,1m; nhà 01 tầng, lợp tôn xốp chống nóng trên hệ xà gồ thép hình. Nền nhà cao hơn sân 0,45m, nền nhà lát gạch Granit 60x60cm. Công trình sử dụng cửa nhôm XingFa hệ 55 kính an toàn dày 6,38ly. Hoa sắt vuông 14x14 sơn màu vàng kem. Tường trong ngoài nhà trát vxm M75# dày 2cm, sơn hoàn thiện 3 nước (1 lót + 2 phủ).

- Phần móng: Gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m². Bê tông lót móng đá 2x4cm M150#, dày 100. Móng bằng xây gạch XMCL M100#. Giằng móng BTCT M200# đá 1x2cm.

- Phần thân: Tường bao che xây gạch XMCL M100# dày 22cm, vữa xây XM mác 75#. Dầm khung, cột hiên và sàn mái hiên bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M200#. Trong phòng được đóng trần bằng trần nhựa 60x60cm, khung xương.

- Phần điện chiếu sáng trong công trình sử dụng đèn Led panel, bố trí đèn đảm bảo độ dọi theo yêu cầu và ánh sáng tự nhiên theo tiêu chuẩn. Hệ thống dây dẫn điện đi trên trần và đi chìm trong tường.

- Phần cấp thoát nước: ống cấp nước sử dụng ống nhựa PPR, ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

1.2.2 Nhà ăn + bếp

- Nhà xây mới có kích thước 8,1x18,0m; Nhà 01 tầng, mái lợp tôn xốp chống nóng trên hệ xà gồ thép hình. Nền nhà cao hơn sân 0,45m, lát gạch 600x600mm. Công trình dùng hoàn toàn bằng cửa nhôm hệ định hình 55 kính an toàn dày 6,38ly. Hoa sắt vuông 14x14 sơn màu vàng kem. Tường trong ngoài nhà trát vxm M75#, quét sơn 3 nước.

- Phần móng: Gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m². Bê tông lót móng đá 2x4cm M150#, dày 100. Móng băng xây gạch XMCL M100#. Giằng móng BTCT M200# đá 1x2cm.

- Phần thân: Tường bao che xây gạch XMCL M100# dày 22cm, vữa xây XM mác 75#. Dầm khung, cột hiên và sàn mái hiên bằng BTCT đổ tại chỗ đá 1x2 M200#. Trong phòng được đóng trần bằng trần nhựa 60x60cm, khung xương.

- Phần điện chiếu sáng trong công trình sử dụng đèn Led panel, bố trí đèn đảm bảo độ dọi theo yêu cầu và ánh sáng tự nhiên theo tiêu chuẩn. Hệ thống dây dẫn điện đi trên trần và đi chìm trong tường.

- Phần cấp thoát nước: ống cấp nước sử dụng ống nhựa PPR, ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

1.2.3 Cải tạo nhà hội trường, nhà làm việc 2 tầng hiện trạng

- Cải tạo ngăn phòng hội trường làm khu vực tiếp công dân. Vách ngăn phòng bằng nhựa nano dày 9mm vân gỗ. Lắp đặt thiết bị điện và mạng Lan cho khu vực tiếp công dân. Sơn lại tường trong các phòng làm việc khu tiền sảnh nhà hội trường; Sử lý chống thấm tường, trần tại góc cột bị thấm.

- Đóng mới trần thạch cao cho 3 phòng làm việc tại nhà làm việc 2 tầng; sơn lại tường trong phòng bằng sơn 3 nước. Thay thế đèn chiếu sáng, quạt trần tại các phòng làm việc và hành lang của nhà làm việc 2 tầng.

- Mua sắm bổ sung tủ hồ sơ, bàn ghép... cho trụ sở làm việc.

1.2.4 Các hạng mục phụ trợ

* Xây dựng mái che trước nhà làm việc: Kích thước 6x17,8m, chiều cao cột thép là 3,15m. Mái lợp tôn xộp chống nóng trên hệ xà gồ, vì kèo mạ kẽm. Liên cột với móng qua Bulon và bản mã.

* Xây dựng mái che trước nhà ăn: Kích thước 4x18,4m, chiều cao cột thép là 3,35m. Mái lợp tôn xộp chống nóng trên hệ xà gồ, vì kèo mạ kẽm. Liên cột với móng qua Bulon và bản mã.

* Xây dựng lán để xe: Kích thước 6x32,6m, chiều cao cột thép là 3,0m. Mái lợp tôn liên doanh mạ kẽm dày 0,45mm trên hệ xà gồ, vì kèo mạ kẽm. Liên cột với móng qua Bulon và bản mã.

* Xây dựng rãnh thoát nước B300 xung quanh nhà mới xây và khuôn viên. Rãnh B300 mới có chiều dài 79,5m. Kết cấu rãnh xây: Nắp tấm đan bê tông cốt thép đá 1x2, M200# dày 10cm. Đáy rãnh đổ bê tông xi măng đá 1x2, M200# dày 10cm. Lớp đệm móng bằng đá dăm dày 10cm. Thành rãnh xây gạch XMCL dày 11cm, trát thành dày 2cm, VXM M75#.

* Sân bê tông làm mới: Làm mới sân bê tông S1, S2. Mặt sân đổ bê tông dày 10cm, dưới là lớp đá dăm tôn nền dày TB 15cm.

* Tường rào xây mới: Xây dựng tường rào gạch (chiều dài: 72,8m). Kết cấu tường rào như sau: Cọc tre gia cố nền móng D6-8cm, L=2,0m mật độ 25 cọc/m². Lớp BT lót đá 2x4cm M150# dày 0,1m. Móng tường xây gạch XMCL mác 100#. Vữa xây M75#. Bê tông giằng móng, giằng tường đá 1x2cm M200#.

Xây tường bằng gạch XMCL vữa xi măng M75#, trát tường dày 2cm. Quét sơn tường hoàn thiện 3 nước (1 lót + 2 phủ màu).

* Bồn cây, bờ bo sân xây mới: Xây dựng bờ bo, bồn cây bằng gạch XMCL dày 22cm. Trát tường dày 2cm, sau đó ốp gạch thẻ 6x24cm. Trồng mới cây xanh trong khuôn viên sân (SL: 06 cây).

2. Thời hạn hoàn thành: 90 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hạng mục công trình/công trình theo ngày/tuần/tháng.

- Để thể hiện minh họa cho những nội dung nêu trên, nhà thầu phải lập biểu tiến độ thi công cho từng hạng mục và cho cả gói thầu:

STT	Hạng mục công trình	Nhân công thực hiện			Thời gian thi công			
		Số ngày	Số nhân công	Tổng nhân công	T1	T2	T3	Tn
1	Hạng mục thứ 1							
2	Hạng mục thứ 2							
3	Hạng mục thứ 3							
...

- Biểu đồ nhân lực: Vẽ biểu đồ nhân lực phù hợp theo tiến độ đã lập.

- Biểu đồ nhu cầu máy: Vẽ biểu đồ máy phù hợp theo tiến độ đã lập.

- Căn cứ vào tiến độ đã lập nhà thầu phải thuyết minh theo các nội dung sau:

+ Tổng số thời gian hoàn thành gói thầu: _____;

+ Thời gian yêu cầu của Bên mời thầu: _____;

+ Thời gian rút ngắn tiến độ so với E-HSMT: _____;

+ Ký hiệu về thời gian và nhân công theo nhu cầu thực tế: _____;

+ Các thuyết minh khác để giải thích rõ hơn.

Ghi chú: Biểu đồ tiến độ thi công nêu trên chỉ mang tính minh họa tham khảo, nhà thầu có thể trình bày bằng cách khác theo biện pháp của nhà thầu đảm bảo sao cho phù hợp với yêu cầu, nội dung và quy mô của gói thầu.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tuân thủ quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và các quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình

- TCVN 2737 : 2023 - Tải trọng và tác động
- TCVN 9379 : 2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 5574 : 2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9345 : 2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 5575 : 2012 - Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4319 : 2012 - Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
- TCVN 9385:2012 - Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- TCVN 5573:2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Tiêu chuẩn thiết kế hệ thống cấp, thoát nước của nhà và công trình: TCVN 4513:1988 ; TCVN 4474:1987; TCVN 4037 - 2012; TCVN 4038 - 2012;
- Tiêu chuẩn PCCC: TCVN 2622:1995; TCVN 6160:1996; TCVN 5738: 2001;
- TCXD 51:1984 - Thoát nước bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 3989:2012 - Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công;
- Các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam khác có liên quan

2. Yêu cầu về tổ chức thi công, giải pháp kỹ thuật thi công, tiến độ thi công

2.1. Tổ chức công trường

- Bố trí mặt bằng tổ chức thi công. Trên mặt bằng phải thể hiện rõ ràng các nội dung tổ chức thi công, bố trí mặt bằng tổ chức thi công công trình: lán trại, phòng thí nghiệm, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.

- Nhà thầu lập biện pháp tổ chức thi công mô tả chi tiết thực hiện việc xây dựng, bao gồm nhưng không giới hạn các phần sau:

- + Công tác chuẩn bị và tổ chức mặt bằng thi công;
- + Tiếp nhận mặt bằng công trình;
- + Vị trí lán trại tạm và các mặt bằng phục vụ cho quá trình thi công.
- + Đề xuất về biện pháp giám sát và quản lý chất lượng.
- + Đưa ra các kế hoạch khai thác, cung cấp vật liệu (cát, đá, thép, xi măng ...) và

kế hoạch lưu kho các loại vật liệu.

- + Tổ chức công trường;
- + Biên báo thi công.
- + Cấp điện, cấp nước thi công.
- + Các vấn đề khác có liên quan.

2.2. Bộ máy quản lý, chỉ huy công trường

- Nhà thầu vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý chung từ công ty đến công trường.
- Thuyết minh chỉ dẫn sơ đồ bộ máy.
- Nêu những nét cơ bản về quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận chủ chốt của công ty đối với công trường.
- Mô tả quan hệ chính giữa Trụ sở chính với bộ máy chỉ huy công trường. Đặc biệt lưu ý đến các quan hệ, thẩm quyền giải quyết khi có các sự cố.
- Nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn sẽ được giao cho một số cán bộ chủ chốt tại hiện trường; Chỉ huy công trường; Phụ trách kỹ thuật thi công tại hiện trường; Phụ trách hệ thống quản lý chất lượng tại hiện trường; Đội trưởng, tổ trưởng.

2.3. Giải pháp kỹ thuật thi công

- Nhà thầu phải lập “Biện pháp thi công” trước khi tiến hành thi công công trình. Trong đó đề cập đầy đủ các giải pháp kỹ thuật thi công chi tiết cho từng hạng mục công việc, nêu trình tự các bước tiến hành, tiến độ thực hiện của từng hạng mục và tiến độ dự kiến hoàn thành tất cả các hạng mục của gói thầu.
- Khối lượng phân ngầm hoặc cốt thép của kết cấu bê tông phải được nghiệm thu trước khi san lấp hoặc trước khi đổ bê tông bởi CB giám sát của chủ đầu tư.
- Tất cả các vật tư, thiết bị đưa vào công trình nhà thầu phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã ghi trong thiết kế kỹ thuật thi công công trình và theo các tiêu chuẩn chất lượng đã cam kết.
- Dựa theo các công việc của gói thầu và kết cấu cơ bản của các hạng mục thi công xây dựng.

2.4. Tiến độ thi công và tiến độ thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu đề xuất cụ thể tiến độ thi công kèm theo biểu đồ tiến độ theo dạng biểu đồ ngang (tiến độ thời gian) trong đó nêu cụ thể các công việc chính, biểu đồ nhân lực và máy thi công.

3. Yêu cầu về vật tư, vật liệu, nhân lực, máy và thiết bị phục vụ thi công

3.1. Vật tư, vật liệu phục vụ thi công

- Tất cả vật tư, vật liệu, cấu kiện, bán thành phẩm đưa vào công trình sử dụng đều là mới và phải được nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng cho công trình và

phải đúng theo quy định về tiêu chuẩn xây dựng hiện hành của Việt Nam. Những mặt hàng nào không được nghiệm thu phải được Nhà thầu đưa ra khỏi công trình trong thời gian không quá 24 giờ.

- Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ được sử dụng, lắp đặt cho gói thầu (*kèm theo cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp theo yêu cầu nêu tại chương III*), trong đó nêu các thông tin:

- + Tên, chủng loại, thương hiệu.
- + Ký, mã hiệu (nếu có).
- + Đặc tính kỹ thuật.
- + Tính năng kỹ thuật.
- + Tiêu chuẩn chất lượng.
- + Trình độ công nghệ sản xuất.
- + Hệ thống quản lý chất lượng chế tạo sản phẩm.

- Các vật tư, vật liệu cần phải được tổ chức quản lý chất lượng và tiến hành thử nghiệm theo quy định hiện hành tại các cơ sở thí nghiệm hợp chuẩn và có sự giám sát của phía chủ đầu tư.

- Nhà thầu đề xuất phòng thí nghiệm vật liệu dự kiến sử dụng kèm theo tài liệu chứng minh khả năng huy động, năng lực, kinh nghiệm của phòng thí nghiệm được đề xuất.

3.2. Nhân lực huy động phục vụ thi công

- Nhà thầu phải lập danh sách và dự kiến số lượng cán bộ, công nhân dự kiến huy động cho gói thầu có bằng cấp, chứng chỉ, trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu của gói thầu, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo thi công đáp ứng các yêu cầu về tiến độ, chất lượng.

3.3. Máy và thiết bị huy động phục vụ thi công

- Máy và thiết bị huy động phục vụ thi công của Nhà thầu phải còn hoạt động tốt, đảm bảo an toàn lao động và các quy định về đăng ký, đăng kiểm khi vận hành.

- Lập danh mục máy móc thiết bị thi công với đầy đủ các thông tin: Tên, Mã hiệu xuất xứ, công suất; Đặc tính kỹ thuật; Chất lượng hiện tại, sở hữu của nhà thầu hay đi thuê.

- Thuyết minh về khả năng đáp ứng mức độ cơ giới hoá tự động hoá của các thiết bị do nhà thầu đưa vào để nâng cao chất lượng và tiến độ của gói thầu.

- Nhà thầu phải xuất trình hồ sơ lý lịch về vật tư, máy móc, thiết bị mà nhà thầu sử dụng vào công trình và coi đây là một phần của hồ sơ nghiệm thu.

4. Yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy

4.1. An toàn lao động

- Nhà thầu có trách nhiệm đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau: An toàn cho người, thiết bị trong suốt quá trình chuẩn bị và thi công công trình; An toàn cho công trình đang xây dựng và các công trình lân cận.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý cùng các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trên công trình.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm lao động và các chế độ khác theo quy định hiện hành như:

- + Thời gian làm việc và nghỉ ngơi.
- + Chế độ lao động nữ và lao động chưa thành niên.
- + Chế độ bồi dưỡng độc hại.
- + Chế độ trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân.
- + Mua bảo hiểm lao động cho công nhân.

- Phải có biện pháp cải thiện điều kiện lao động cho công nhân.

+ Giảm nhẹ các khâu lao động thủ công nặng nhọc.

+ Ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố nguy hiểm độc hại gây sự cố, tai nạn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe hoặc gây bệnh nghề nghiệp.

- Phải thực hiện các quy định về quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động. Có sổ nhật ký an toàn lao động và thực hiện đầy đủ chế độ thống kê, khai báo, điều tra phân tích nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Công nhân làm việc trên công trường phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công việc được giao về tuổi, giới tính, sức khỏe, trình độ bậc thợ.

- Mọi công nhân làm việc trên công trường phải được trang bị và sử dụng đúng các phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp với tính chất của công việc, đặc biệt đối với các trường hợp làm việc ở những nơi nguy hiểm như: trên cao, nơi có nguy cơ tai nạn về điện, về cháy, nổ, nhiễm khí độc ...

- Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người lao động: nhà vệ sinh, nhà tắm, nơi trú mưa, nắng; nhà ăn và nghỉ giữa ca, nước uống đảm bảo vệ sinh, nơi sơ cứu và phương tiện cấp cứu tai nạn.

4.2. Bảo vệ môi trường

a. Bảo đảm vệ sinh, an toàn cho môi trường xung quanh công trường xây dựng

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn thiện lại các công trình kiến trúc xây dựng hoặc các công trình khác của cá nhân hoặc đơn vị có liên quan mà trong quá trình thi công đã bị hư hỏng. Có thuyết minh và đề xuất phương án tập kết và xử lý phế thải xây dựng khi phá dỡ công trình. Đồng thời phải kịp thời thu dọn mặt bằng thi công, thu dọn các vật liệu thừa và các loại chất thải của quá trình thi công cũng như thiết bị, dụng cụ, lán trại tạm.

- Giữ gìn vệ sinh và an toàn lao động: Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vật liệu phế thải, đất đá ... phải có thùng xe được che chắn kín và giằng buộc vững, để tránh rơi đổ vật được vận chuyển xuống đường.

- Chống bụi: Khi thi công những công trình gần đường giao thông hoặc khu dân cư phải được che, chắn để chống bụi hoặc rơi vật liệu xuống đường, hoặc nhà.

- Chống ồn rung động quá mức: Khi sử dụng các biện pháp thi công cơ giới phải lựa chọn giải pháp thi công thích hợp với đặc điểm, tình hình, vị trí của công trường.

- Đối với công trường, xung quanh có nhiều nhà dân và hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng, phải ưu tiên chọn giải pháp thi công nào gây ra tiếng ồn và rung động nhỏ nhất.

b. Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng, cây xanh hiện có

- Bảo vệ công trình kỹ thuật hạ tầng

- Trong suốt quá trình thi công, đơn vị thi công không được gây ảnh hưởng xấu tới hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng hiện có.

- Những công trường có hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng đi qua, đơn vị thi công phải có biện pháp bảo vệ để hệ thống này hoạt động bình thường. Chỉ được phép thay đổi, di chuyển hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng sau khi đã có văn bản của cơ quan quản lý hệ thống công trình này cho phép thay đổi, di chuyển, cung cấp sơ đồ chỉ dẫn cần thiết của toàn hệ thống, và thỏa thuận về biện pháp tạm thời để duy trì các điều kiện bình thường cho sinh hoạt và sản xuất của dân cư trong vùng.

- Bảo vệ cây xanh: Đơn vị thi công có trách nhiệm bảo vệ tất cả các cây xanh đã có trong và xung quanh công trường. Việc chặt hạ cây xanh phải được phép của cơ quan quản lý cây xanh.

c. Biện pháp quản lý chất thải rắn

- Quản lý chất thải rắn xây dựng;

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

4.3. Phòng cháy chữa cháy

- Nhà thầu phải xây dựng phương án về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công trong và ngoài công trường.

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động.

- Có biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công.

- Bảo vệ an ninh công trường, có quy chế quản lý nhân lực, thiết bị.

- Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra bởi cháy nổ do lỗi của nhà thầu không tuân thủ các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ.

- Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động cho người, thiết bị của đơn vị mình và cho người và tài sản của nhân dân trên địa bàn thi công và các

tài sản công cộng khác.

5. Biện pháp đảm bảo chất lượng và bảo hành công trình

5.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng

- Nhà thầu phải trình bày hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của mình bao gồm các nội dung chính:

- + Biện pháp quản lý chất lượng vật tư.
- + Biện pháp quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công.
- + Biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão.
- + Biện pháp sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình.
- + Biện pháp quản lý hồ sơ, tài liệu.
- + Công tác nghiệm thu.
- + Phương thức thanh quyết toán.

5.2. Bảo hành công trình

- Thời gian bảo hành công trình theo quy định cụ thể nêu tại chương III.

- Nêu biện pháp bảo hành công trình đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và không kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư.

IV. Các bản vẽ

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được đăng tải cùng E-HSMT.